

Bản án số: 700/2019/HSPT
Ngày 15 tháng 11 năm 2019
“Phạm Văn B - Giết người”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Công

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 400/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Phạm Văn B do bị cáo và người bị hại kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: Phạm Văn B, sinh năm 1967 tại tỉnh H; Thường trú: Ấp 1, xã Đắc Ha, huyện Đ, tỉnh Đ¹; Chỗ ở hiện nay: Ấp Lý Lịch 2, xã Phú Lý, huyện V, tỉnh Đ; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Con ông Phạm Đình Trác và bà Nguyễn Thị Nhân; Vợ Hoàng Thị Mai, có 02 con sinh năm 1998 và 2000; Tiền án: Bản án số 19/HSST ngày 03/10/1996 của Tòa án nhân dân huyện V phạt 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, Bản án số 259/HSPT ngày 20/02/1998 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” (bị cáo chưa chấp hành phần dân sự của bản án này); Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giam từ ngày 23/4/2018 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Hữu Nhân thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

Người bị hại có kháng cáo: Bà Trần Thị H, sinh năm 1956 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp Lý Lịch 2, xã Phú Lý, huyện V, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 14/02/2018, sau khi uống rượu, Phạm Văn B lấy 01 can nhựa dung tích 20 lít và được 01 thanh niên (không rõ tung tích) điều khiển xe mô tô Wave không rõ biển số chở đến cây xăng Tín Nghĩa mua xăng (không rõ số lượng)

đổ vào can nhựa rồi đi đến nhà bà Trần Thị H ở ấp Lý Lịch 2, xã Phú Lý, huyện V, tỉnh Đ. Thấy bà H đang đứng trước sân nhà, B cầm can xăng đi vào yêu cầu bà H cho gặp chị Ngô Thị Phương N (con bà H) là vợ của anh Nguyễn Xuân T để đòi số tiền 30.000.000 đồng mà anh T nợ B trước đó. Bà H nói vợ chồng anh T không có ở nhà nên giữa bị cáo với bà H xảy ra cự cãi. B mở nắp can xăng đổ ra sân và tạt vào người bà H rồi bật quẹt gaz làm lửa bùng cháy trên người bà H và gây hư hại 17 chậu hoa vạn thọ, 52 chậu hoa mào gà, 46 chậu hoa cúc của chị Đỗ Thị Xuân H¹ đang thuê mặt bằng nhà bà H để bán hoa Tết. Sau đó B bị mọi người bắt giữ, còn bà H được đưa vào Bệnh viện đa khoa Thống Nhất cấp cứu và điều trị đến ngày 09/3/2018 xuất viện.

Kết luận giám định pháp y về thương tích số 0205/GĐPY/2018 ngày 20/3/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh Đ kết luận thương tật của bà Trần Thị H như sau: Tổn thương bỏng độ II-III vùng gót chân phải kích thước 12 x 16 cm và đùi trái có đường kính 06 cm. Tỷ lệ 21%; Tổn thương bỏng độ II-III gót phải gây co rút gân gót và cứng khớp cổ chân phải ở tư thế cơ năng. Tỷ lệ 21%; Tổn thương bỏng độ I-II vùng cổ, ngực, bụng, cánh tay phải, bàn tay hai bên và chân hai bên khoảng 18% diện tích. Tỷ lệ 12%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 45%.

Bản Kết luận giám định pháp y về tâm thần số 388/KL-VPYTW ngày 30/7/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận Phạm Văn B:

Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đang sự bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn (F07.8 – ICD.10).

Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay, đang sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Gia đình bị cáo đã bồi thường cho bà Trần Thị H 30.000.000 đồng và bồi thường cho chị Đỗ Thị Xuân H¹ tiền hư hỏng hoa là 3.745.000 đồng. Chị H¹ không yêu cầu xử lý và không cung cấp được hóa đơn chứng từ nên không có cơ sở để trưng cầu giám định thiệt hại số hoa bị hư hỏng nên Cơ quan điều tra có công văn số 348/CSDT-PC01 ngày 31/12/2018 và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ có công văn số 56/VKS-P2 ngày 15/01/2019 không khởi tố Phạm Văn B về hành vi “Hủy hoại tài sản hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản” theo Điều 178 Bộ luật hình sự.

Tại Bản cáo trạng số 545/CT-VKS-P2 ngày 04/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ đã truy tố Phạm Văn B về tội “*Giết người*” theo điểm n, p khoản 1 Điều 123; Điều 15 Bộ luật hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn B phạm tội “*Giết người*”.

Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2018.

Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị H 73.800.000 đồng.

Dành cho người bị hại vụ kiện dân sự khác để yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí điều trị.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí; trách nhiệm do chậm thi hành án; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2019, bị cáo Phạm Văn B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/6/2018, người bị hại bà Trần Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường 16 giỏ quà bị cháy trị giá 6.400.000 đồng (400.000 đồng/giỏ); Tiền trong người của bà bị cháy hơn 9.000.000 đồng; tiền xe đi bệnh viện 18 lần là 14.800.000 đồng; thuốc trị sẹo 8.260.000 đồng (28 tuýp x 295.000 đồng/tuýp); thuốc bỏng và dị ứng 13.200.000 đồng (22 lọ x 600.000 đồng/lọ). Tổng cộng 51.660.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai bị cáo không nhớ đã làm gì, nhưng sau khi được xem clip ghi hình người cầm can xăng làm cháy bà H thì bị cáo xác định đó chính là bị cáo. Bị cáo đề nghị xem xét bị cáo không phạm tội giết người và xin giảm nhẹ hình phạt. Đối với các khoản bà H yêu cầu bồi thường thêm thì bị cáo chỉ đồng ý bồi thường các khoản chỉ có chứng từ hợp lệ.

Bà Trần Thị H giữ nguyên kháng cáo yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà các khoản đã ghi trong đơn kháng cáo với tổng số tiền 51.660.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ như Bản án sơ thẩm đã nhận định. Đồng thời bị cáo là lao động chính trong gia đình, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm trở về đi làm kiếm tiền tiếp tục bồi thường cho người bị hại.

Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xem xét đơn kháng cáo của bị cáo và đơn kháng cáo của người bị hại hợp lệ. Về nội dung Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người” quy định tại điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đã xử phạt bị cáo 10 năm tù là tương xứng, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ gì mới. Đối với kháng cáo của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thêm các khoản thiệt hại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, đề nghị bác kháng cáo của bị cáo, bác kháng cáo của người bị hại và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo và đơn kháng cáo của người bị hại đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về thương tích, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của người làm chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để xác định vào ngày 14/02/2018, chỉ vì bị cáo hỏi tìm chị Ngô Thị Phương N nhưng bà Trần Thị H trả lời không biết thì bị cáo đổ can xăng vào người bà H rồi châm lửa đốt hậu quả làm bà H bỏng tỷ lệ thương tật 45%. Bản án sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người” theo điểm n, p khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội nên không có căn cứ để chấp nhận bị cáo cho rằng bị cáo không phạm tội giết người.

Vào năm 1998 bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích và đến nay vẫn chưa chấp hành phần dân sự của Bản án năm 1998 nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp

tái phạm nguy hiểm (đã tái phạm lại phạm tội mới do cố ý); đồng thời, chỉ vì sự việc nhỏ nhặt mà bị cáo phạm tội nên hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất côn đồ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đe dọa trực tiếp đến tính mạng con người, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên phải xử phạt nghiêm. Bản án sơ thẩm đã cân nhắc đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Phạm tội chưa đạt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối lỗi, tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, cha của bị cáo là thương binh, bản thân bị cáo có bệnh làm hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, người bị hại xin giảm nhẹ nên đã xử phạt bị cáo 10 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định từ từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo và người bào chữa cho bị cáo.

[4] Tại Điều 24 Bộ luật dân sự quy định người bị hạn chế khả năng nhận thức khi xác lập quan hệ dân sự phải có sự đồng ý của người đại diện. Khi xét xử, Tòa án sơ thẩm không cử người đại diện hợp pháp cho bị cáo, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên cấp phúc thẩm không khắc phục được. Do đó cần phải hủy phần dân sự và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

[5] Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự;

1.1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HSST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ về hình phạt đối với bị cáo.

Áp dụng điểm n, p khoản 1 Điều 123; Điều 15; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 57 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn B 10 (Mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/4/2018. Tiếp tục tạm giam bị cáo đảm bảo thi hành án.

1.2. Hủy toàn bộ phần dân sự, án phí dân sự sơ thẩm của Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HSST ngày 14/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đ giải quyết sơ thẩm lại.

3. Bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm; về trách nhiệm do chậm thi hành án, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC
- Viện Trưởng VKSNDTC
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đ;
- Công an tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đ
(Trại tạm giam Công an tỉnh Đ tổng đạt
cho bị cáo;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Công

